

Cáp kết nối

NEBC-R3Z12G20-KH-10-N-SBS-RSG17-ET-S1

Số bộ phận: 8126917

FESTO



2	12
+	+
+	+
+	+
+	+
+	+
+	+
1	11

Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Tên cáp	không giá biển báo
trọng lượng sản phẩm	1300 g
Cổng nối điện 1, chức năng	Phía thiết bị hiện trường
Cổng nối điện 1, thiết kế	góc
Cổng nối điện 1, kiểu kết nối	Giắc cắm và dải ổ cắm
Cổng nối điện 1, đầu ra cáp	thẳng
Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	RJ45 và dải ổ cắm 12 cực, 2 hàng
Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây	20
Cổng nối điện 1, cực/dây điện được dùng	14
Cổng nối điện 1, kiểu gắn	Khóa vít
Cổng nối điện 2, chức năng	Phía điều khiển
Cổng nối điện 2, thiết kế	tròn
Cổng nối điện 2, kiểu kết nối	Giắc cắm kết hợp
Cổng nối điện 2, đầu ra cáp	thẳng
Cổng nối điện 2, số cực/dây	17
Cổng nối điện 2, cực/dây điện được dùng	14
Cổng nối điện 2, kiểu gắn	bắt vít
Dải điện áp hoạt động DC	0 V...24 V
Điện áp hoạt động danh định DC	24 V
Khả năng tải dòng điện ở 40 ° C	11.7 A
Độ chịu điện áp xung	6 KV
Lớp bảo vệ	không
Chiều dài cáp	10 m
Đặc điểm dây dẫn	Tiêu chuẩn
Dòng điều kiện kiểm tra	Điều kiện kiểm tra theo yêu cầu
Bán kính uốn, định tuyến cáp cố định	130 mm
Bán kính uốn, định tuyến cáp có thể di chuyển	130 mm
Đường kính cáp	8 mm
Dung sai đường kính cáp	± 1 mm
Cấu tạo cáp	4 x (1 x 0,128 mm ²) + 10 x 0,128 mm ²
Mật cắt danh định của dây dẫn	0.128 mm ²

Đặc tính	Giá trị
Mức độ bảo vệ	IP65
Lưu ý về mức độ bảo vệ	ở trạng thái lắp
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 °C...40 °C
Nhiệt độ môi trường xung quanh với định tuyến cáp linh hoạt	0 °C...40 °C
Nhiệt độ bảo quản	-20 °C...70 °C
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị điện áp thấp của EU
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
mức độ ô nhiễm	3
Lớp chống ăn mòn KBK	0 - không ứng suất ăn mòn
Vật liệu vỏ bọc cáp	TPE-U(PUR)
Màu vỏ cáp	màu đỏ
Vật liệu vỏ cách điện	PP